TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 11/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ; Địa chỉ nơi ở trước khi đi khỏi địa phương: Thôn ĐL, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trương Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện CH, tỉnh TQ vào ngày 19/9/2012

theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát đến tháng 6 năm 2015 thì chị T tự ý bỏ nhà đi. Vì thương các con còn nhỏ anh khuyên chị T về nhà cùng nhau làm ăn và nuôi dạy các con nên tháng 8 năm 2015 chị T về. Hai vợ chồng sống bình thường đến đầu năm 2018 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được dẫn đến cuộc sống chung hết sức căng thẳng, sống không có hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2018 thì chị T bỏ nhà đi làm ăn, thỉnh thoảng có về thăm con rồi lại đi ngay, anh chị chính thức sống ly thân từ đó đến nay không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc, tiến bộ đã không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lương Thị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có sinh được 02 con chung tên là Trương Văn H, sinh ngày 27/9/2013 và Trương Thị T H, sinh ngày 02/8/2016. Hiện các cháu đang ở cùng anh T, nếu vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, đất đai chung; công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Lương Thị T đến để giải quyết việc anh T đề nghị ly hôn nhưng chị T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Theo lời khai của bà Ma Thị K (mẹ đẻ của chị Lương Thị T) thì chị T và anh T có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng anh T, chị T làm ăn sinh sống tại gia đình nhà chồng. Đến khoảng đầu năm 2018 thì vợ chồng anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị T thì bà không nắm được. Chị T bỏ đi làm ăn từ tháng 4 năm 2018, anh T chị T cũng ly thân từ đó đến nay. Về địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới của chị T thì bà không nắm được, chị T cũng không thông báo cho bà biết. Bà đã nhận được văn bản của Tòa án và thông báo cho chị T biết về việc anh T làm đơn xin ly hôn nhưng chị T không về, chị T nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của anh Lương Văn T: Xử cho anh Lương Văn T được ly hôn với chị Lương Thị T.

- Giao cháu Trương Văn H, sinh ngày 27/9/2013 và cháu Trương Thị T H, sinh ngày 02/8/2016 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung anh Lương Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Lương Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Lương Thị T; Chị Lương Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Lương Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn KQ, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Chị T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị T đã thông báo cho T nhưng T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chị Lương Thị T vẫn vắng mặt lần thứ hai, anh Trương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Lương Thị T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết

hôn vào ngày 19/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát và đã ly thân từ tháng 4 năm 2018. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh T, chị T thực tế đã không tồn tại từ tháng 4 năm 2018 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh T, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn T là xử cho anh T được ly hôn với chị Lương Thị T.

[2.2] Về con chung: Anh Trương Văn T và chị Lương Thị T có 02 con chung là Trương Văn Hải, sinh ngày 27/9/2013 và cháu Trương Thị T H, sinh ngày 02/8/2016. Xét thấy hiện chị Lương Thị T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Trương Văn H và cháu Trương Thị T H cho anh Trương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Trương Văn T không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của anh Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Văn T được ly hôn với chị Lương Thị T. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Văn H, sinh ngày 27/9/2013 và cháu Trương Thị T H, sinh ngày 02/8/2016 cho anh Trương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Trương Văn T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001915, ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Lương Thị T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn T và chị Lương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng **Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã KB, huyện CH, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm